

Số: 1519 /QĐ - KT1

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Bảng giá dịch vụ các hoạt động dịch vụ Khoa học và công nghệ

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-TĐC ngày 22/04/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của Tổ chức khoa học & công nghệ công lập;

Căn cứ đề xuất của Trưởng phòng Thử nghiệm Điện- Điện tử và Hiệu suất năng lượng; Trưởng Phòng Kế hoạch tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Phụ lục số 11 của Bảng giá dịch vụ cho các hoạt động dịch vụ Khoa học công nghệ tại các đơn vị trong Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 đã ban hành theo Quyết định số 339/QĐ-KT1 ngày 16/09/2016.

Điều 2. Các nội dung tại các Phụ lục còn lại khác giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Các Phòng trong Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thông báo tại đơn vị khi thực hiện.

Điều 4. Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, KHTC, TN2.



Hàm Đức Chu

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Chi chú khác
I	THỬ NGHIỆM HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG					
1	Màn hình máy tính		Mẫu	TCVN 9508:2012	1.500.000	
2	Máy in		Mẫu	TCVN 9509:2012	1.500.000	
3	Máy photocopy		Mẫu	TCVN 9510:2012	1.500.000	
4	Máy thu hình		Mẫu	TCVN 9536:2012	3.000.000	
5	Bình đun nước nóng có dự trữ		Mẫu	TCVN 7898:2009	3.000.000	
6	Bóng đèn huỳnh quang compact		Mẫu	TCVN 7896:2015	4.000.000 – 22.200.000	
7	Quạt điện		Mẫu	TCVN 7826:2015	2.000.000 – 3.000.000	
8	Nồi cơm điện		Mẫu	TCVN 8252:2015	1.000.000	
9	Máy biến áp phân phối		Mẫu	TCVN 8525:2015	3.000.000	
10	Balát điện tử		Mẫu	TCVN 7897:2013	2.000.000 – 8.000.000	
11	Balát điện tử		Mẫu	TCVN 8248:2013	2.000.000 – 8.000.000	
12	Bóng đèn huỳnh quang dạng ống		Mẫu	TCVN 8249:2013	2.000.000 – 18.800.000	
13	Động cơ điện		Mẫu	TCVN 7540-1:2013	6.000.000 – 23.000.000	
14	Tủ lạnh- Tủ kết đông lạnh		Mẫu	TCVN 7828:2013	7.500.000 – 15.000.000	
15	Tủ giữ lạnh thương mại		Mẫu	TCVN 10289:2014	7.500.000 – 15.000.000	
16	Máy giặt		Mẫu	TCVN 8526:2013	2.500.000	
II	THỬ NGHIỆM AN TOÀN					
1		Kết cấu và nhãn mác	Chi tiêu		120.000	
2		Bảo vệ chống chạm vào các bộ phận mang điện	Chi tiêu		100.000	
3		Khởi động các thiết bị truyền động bằng động cơ điện	Chi tiêu		200.000	
4		Công suất và dòng điện	Chi tiêu		200.000	
5		Phát nóng	Chi tiêu		200.000	
6		Dòng điện rò và độ bền điện áp ở nhiệt độ làm việc	Chi tiêu		200.000	
7		Quá điện áp quá độ	Chi tiêu		300.000	
8		Khả năng chịu ẩm	Chi tiêu		500.000đ/1 chu kỳ	
9		Dòng điện rò và độ bền điện áp	Chi tiêu		200.000	
10		Bảo vệ quá tải cho máy biến áp và các mạch điện có liên quan	Chi tiêu		300.000	
11		Độ bền	Chi tiêu		300.000	
12		Thao tác không bình thường	Chi tiêu		200.000	
13		Ổn định và nguy hiểm cơ học	Chi tiêu		150.000	
14		Độ bền cơ học	Chi tiêu		150.000	
15		Kết cấu	Chi tiêu		300.000	
16		Cấp bảo vệ IP1X đến IP4X	Chi tiêu		300.000	
CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN DÂN DỤNG				TCVN 5699-1		

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
17	CÁC SẢN PHẨM ĐIỆN DẪN DÙNG	Cấp bảo vệ IP5X và IP6X	Chỉ tiêu		1.500.000	
18		Dây dẫn bên trong	Chỉ tiêu		1.200.000	
19		Phụ kiện bổ trợ	Chỉ tiêu		100.000	
20		Đầu nối nguồn và dây dẫn mềm bên ngoài	Chỉ tiêu		100.000	
21		Đầu nối dùng cho ruột dẫn bên ngoài	Chỉ tiêu		300.000	
22		Yêu cầu đối với nối đất	Chỉ tiêu		200.000	
23		Vít và các mối nối	Chỉ tiêu		100.000	
24		Chiều dài đường rò và khe hở không khí	Chỉ tiêu		100.000	
25		Khả năng chịu nhiệt và cháy	Chỉ tiêu		100.000	
26		Khả năng chống gi	Chỉ tiêu		400.000	
27		Bức xạ, tính độc hại và các nguy hiểm tương tự	Chỉ tiêu	TCVN 6478:1999	150.000	
28		Thử lão hóa cho động cơ	Chỉ tiêu		300.000	
29		Các yêu cầu khác cho việc bảo vệ động cơ	Chỉ tiêu		300.000	
30		Thử ngon lửa hình kim	Chỉ tiêu		300.000	
1	BALAST DÙNG CHO BÓNG ĐÈN HUỖNH QUANG	Nhấn mác	Chỉ tiêu		200.000	
2		Bảo vệ chống chạm ngẫu nhiên vào các bộ phận mang điện	Chỉ tiêu		200.000	
3		Công suất và dòng điện trên bóng đèn	Chỉ tiêu		200.000	
4		Hệ số công suất toàn phần	Chỉ tiêu		100.000	
5		Tổn hao trên balát	Chỉ tiêu		200.000	
6		Điện áp rơi trên balát và rơi trên đèn	Chỉ tiêu		200.000	
7		Hệ số của balast	Chỉ tiêu		1.000.000	
8		Đầu nối	Chỉ tiêu		200.000	
9		Yêu cầu đối với nối đất	Chỉ tiêu		200.000	
10		Độ bền nhiệt của cuộn dây	Chỉ tiêu		5.000.000	
11		Phát nóng balast	Chỉ tiêu		300.000	
12		Điều kiện tiên nung nóng	Chỉ tiêu		500.000	
13		Vít, các bộ phận mang dòng và các mối nối	Chỉ tiêu		200.000	
14		Chiều dài đường rò và khe hở không khí	Chỉ tiêu		200.000	
15		Khả năng chịu nhiệt và cháy	Chỉ tiêu		300.000	
16		Màn chắn từ trường	Chỉ tiêu		200.000	
17		Khả năng chống gi	Chỉ tiêu		200.000	
1	BỘ ĐÈN	Nhấn mác	Chỉ tiêu		200.000	
2		Kết cấu	Chỉ tiêu		200.000	
3		Dây dẫn bên trong và dây dẫn ngoài	Chỉ tiêu		200.000	
4		Yêu cầu đối với nối đất	Chỉ tiêu		200.000	
5		Bảo vệ chống điện giật	Chỉ tiêu		200.000	
6		Đặc tính điện môi	Chỉ tiêu		500.000d/ 1 ngày	
7		Điện trở cách điện và độ bền điện áp	Chỉ tiêu		200.000	
8		Độ tăng nhiệt	Chỉ tiêu		300.000	

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
9	BỘ ĐÈN	Chiều dài đường rò và khe hở không khí	Chi tiêu	TCVN 6478:1999	200.000	
10		Cấp bảo vệ IP1X đến IP4X	Chi tiêu		300.000	
11		Cấp bảo vệ IP5X và IP6X	Chi tiêu		1.500.000	
12		Thử va đập	Chi tiêu		300.000	
13		Độ bền và độ bền nhiệt	Chi tiêu		2.000.000	
14		Khả năng chịu nhiệt và cháy	Chi tiêu		400.000	
15		Đầu nối bắt vít	Chi tiêu		200.000	
16		Đầu nối không bắt vít và các mối nối	Chi tiêu		200.000	
17		Thử sương muối	Chi tiêu		1.500.000đ/ 1 ngày	
1	CÁP ĐIỆN CÓ CẤP ĐIỆN ÁP TỪ 1 ĐẾN 35kV	Đường kính của ruột dẫn	Chi tiêu	TCVN 5935-1:2013 IEC 60502-1:2009 TCVN 5935-2:2013 IEC 60502-2:2005 TCVN 6448:1998	50.000/1 lõi	
2		Số sợi/ Đường kính sợi dẫn	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
3		Điện trở một chiều của ruột dẫn 20°C	Chi tiêu		100.000/1 lõi	
4		Điện trở suất khối của cách điện ở 20°C	Chi tiêu		100.000	
5		Điện trở suất khối của cách điện ở 70°C hoặc 90°C	Chi tiêu		200.000	
6		Độ bền điện áp tần số công nghiệp: - Trong 5 phút - Trong 4 giờ	Chi tiêu		100.000 - 300.000 300.000 - 600.000	
7		Thử phóng điện cục bộ	Chi tiêu		500.000/1 lõi	
8		Thử uốn kết hợp với thử phóng điện cục bộ	Chi tiêu		500.000/1 lõi	
9		Thử nhiệt chu kỳ kết hợp với thử phóng điện cục bộ	Chi tiêu		1.200.000/1 lõi	
10		Hệ số công suất	Chi tiêu		500.000/1 lõi	
11		Thử xung kết hợp với thử chịu điện áp	Chi tiêu		600.000/1 lõi	
12		Chiều dày cách điện	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
13		Chiều dày lớp bán dẫn trong/ngoài	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
14		Chiều dày lớp màn chắn kim loại	Chi tiêu		50.000	
15		Chiều dày lớp áo giáp	Chi tiêu		50.000	
16		Chiều dày vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		50.000	
17		Đặc tính cơ của cách điện	Chi tiêu		100.000/1 lõi	
18		Đặc tính cơ của vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		100.000	
19		Thử lão hóa cho cách điện/ vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		100.000/1 ngày	
20		Thử lão hóa cho mẫu cấp hoàn chỉnh	Chi tiêu		100.000/1 ngày	
21		Tổn hao khối lượng của cách điện/ vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		800.000	
22		Thử nén cho cách điện	Chi tiêu		300000/ 1 lõi	
23		Thử nén cho vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		300.000	
24		Thử sốc nhiệt cho cách điện/ vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc phân cách	Chi tiêu		200.000	
25		Thử co ngót cho cách điện	Chi tiêu		200.000đ/1 lõi	
26		Thử hotset cho cách điện	Chi tiêu		200.000đ/1 lõi	
27		Thử độ ngâm nước của cách điện: - Cách điện XLPE	Chi tiêu		2.000.000	

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
28	CÁP ĐIỆN CÓ CÁP ĐIỆN ÁP TỪ 1 ĐẾN 35KV	- Cách điện PVC	Chi tiêu		1.000.000	
		Điện trở suất của lớp bán dẫn ngoài/ trong:				
		- Cấp 1 lõi			1.500.000	
		- Cấp 3 lõi			3.100.000	
29		Thử chống thấm dọc cho ruột dẫn	Chi tiêu		1.000.000	
30		Thử nghiệm chịu nhiệt độ thấp cho vỏ bọc/ cách điện:	Chi tiêu			
		- Thử giãn dài			500.000	
		- Thử uốn			500.000	
		- Thử va đập			500.000	
31		Hàm lượng carbon đen	Chi tiêu		800.000	
32		Độ phân tán của cacbon	Chi tiêu		1.000.000	
33		Độ bám dính của cách điện	Chi tiêu		400.000/1 lõi	
34		Độ tăng điện dung của cáp	Chi tiêu		400.000/1 lõi	
35		Kích thước gần	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
36		Lực kéo đứt của ruột dẫn	Chi tiêu		100.000/1 lõi	
37		Thử xung điện áp	Chi tiêu		200.000/1 lõi	
1		Ghi nhãn	Chi tiêu		300.000	
2		Đường kính ngoài của cáp	Chi tiêu		50.000	
3		Đường kính của ruột dẫn	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
4		Số sợi/ Đường kính sợi dẫn	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
5		Điện trở một chiều của ruột dẫn 20°C	Chi tiêu		100.000/1 lõi	
6		Điện trở cách điện ở 70°C hoặc 90°C	Chi tiêu		200.000	
7		Độ bền điện áp tần số công nghiệp trong 5 phút	Chi tiêu		100.000/1 chế độ	
8		Chiều dày cách điện	Chi tiêu		50.000/1 lõi	
9		Chiều dày vỏ bọc ngoài/ vỏ bọc trong	Chi tiêu	TCVN	50.000	
10		Đặc tính cơ của cách điện	Chi tiêu	6610-3:2000	100.000/1 lõi	
11	DÂY ĐIỆN BỌC NHỰA CÁP ĐIỆN ÁP ĐẾN 450/750V	Đặc tính cơ của vỏ bọc ngoài	Chi tiêu	TCVN	100.000	
12		Thử lão hóa cho cách điện/ vỏ bọc ngoài	Chi tiêu	6610-4:2000	100.000/1 ngày	
13		Thử lão hóa cho mẫu cáp hoàn chỉnh	Chi tiêu	TCVN	100.000/1 ngày	
14		Tổn hao khối lượng của vỏ bọc ngoài/ cách điện	Chi tiêu	6610-5:2014	800.000	
15		Thử nén cho cách điện	Chi tiêu	TCVN	300.000	
16		Thử nén cho vỏ bọc ngoài	Chi tiêu	6610-7:2014	300.000/1 lõi	
17		Thử sốc nhiệt cho cách điện/ vỏ bọc ngoài	Chi tiêu		200.000	
18		Thử nghiệm chịu nhiệt độ thấp cho vỏ bọc/ cách điện:	Chi tiêu			
		- Thử giãn dài			500.000	
		- Thử uốn			500.000	
		- Thử va đập			500.000	
19		Thử tính mềm dẻo	Chi tiêu		1.000.000	
20		Thử cháy đơn theo phương thẳng đứng	Chi tiêu		300.000	

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
21		Thử ổn định nhiệt	Chi tiêu		1.500.000	
1	CÁP TRẦN DÙNG CHO ĐƯỜNG DÂY TẢI ĐIỆN TRÊN KHÔNG	Đường kính ngoài của cáp	Chi tiêu	TCVN 5064:1994 SD1:1995 IEC 61089 AFNL C34-125:1992 ASTM B232	50.000	
2		Số sợi/ Đường kính sợi	Chi tiêu		50.000	
3		Bội số bước xoắn	Chi tiêu		300.000	
4		Độ bền kéo của sợi	Chi tiêu		200.000	
5		Số lần bẻ gấp của sợi nhôm	Chi tiêu		100.000	
6		Thử uốn cho sợi nhôm hợp kim	Chi tiêu		200.000	
7		Độ bền uốn của sợi thép	Chi tiêu		200.000	
8		Thử uốn cho sợi thép	Chi tiêu		200.000	
9		Thử xoắn cho sợi thép	Chi tiêu		200.000	
10		Khối lượng tăng kèm của sợi thép	Chi tiêu		300.000	
11		Lực kéo đứt toàn cáp	Chi tiêu		200.000	
12		Điện trở 1 chiều của ruột dẫn ở 20°C	Chi tiêu		200.000	
13		Nhiệt độ chảy giọt của mỡ	Chi tiêu		300.000	
14		Module đàn hồi và Hệ số dẫn nở nhiệt	Chi tiêu		500.000	
15		Khối lượng của cáp	Chi tiêu		300.000	
1	APTOMAT	Nhãn mác	Chi tiêu	IEC 60898 IEC 60947-2	150.000	
2		Độ tin cậy của vít, các phần dẫn dòng điện và các mối nối	Chi tiêu		100.000/1 chế độ	
3		Độ tin cậy của các đầu nối dùng cho dây dẫn ngoài	Chi tiêu		100.000/1 chế độ	
4		Bảo vệ chống điện giật	Chi tiêu		100.000	
5		Đặc tính điện môi	Chi tiêu		1.000.000+200.000/1 chế độ	
6		Độ tăng nhiệt và tổn hao công suất	Chi tiêu		200.000	
7		Các đặc tính tác động	Chi tiêu		Tùy vào dòng định mức, kết cấu sản phẩm	
8		Thử nghiệm 28 ngày	Chi tiêu		2.800.000	
9		Độ bền chịu nhiệt	Chi tiêu		100.000/1 chế độ	
10		Độ bền chịu nhiệt bất thường và cháy	Chi tiêu		100.000/1 chế độ	
11		Khả năng chống gi	Chi tiêu		200.000	
12		Độ bền cơ và độ bền điện	Chi tiêu		1.000.000	
1	CÔNG TẮC, Ổ CẮM, PHÍCH CẮM	Nhãn mác	Chi tiêu	TCVN 6188-1:2007	150.000	
2		Kiểm tra kích thước	Chi tiêu		100.000	
3		Khả năng an toàn chống điện giật	Chi tiêu		100.000	
4		Yêu cầu nổi đất	Chi tiêu		200.000	
5		Đầu nối và đầu cốt	Chi tiêu		200.000	
6		Kết cấu	Chi tiêu		200.000	
7		Độ bền lão hóa, bảo vệ bằng vỏ ngoài	Chi tiêu		1.000.000	
8		Thử nóng ẩm	Chi tiêu		1.000.000 + 200.000/1 chế độ	
9		Hoạt động của tiếp điểm nổi đất	Chi tiêu		200.000	
10		Độ tăng nhiệt	Chi tiêu		300.000	

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
11	CÔNG TÁC, Ố CÁM, PHÍCH CÁM	Khả năng cắt	Chi tiêu	IEC	400.000 + 100.000/1 chế độ	
12		Hoạt động bình thường	Chi tiêu	60884-1:2002	700.000 + 100.000/1 chế độ	
13		Lực rút phích cắm	Chi tiêu	TCVN	200.000	
14		Dây cáp mềm và nối dây cáp mềm	Chi tiêu	6480-1:2008	200.000	
15		Độ bền cơ	Chi tiêu	IEC	300.000	
16		Khả năng chịu nhiệt	Chi tiêu	60669-1:2007	100.000/1 chế độ	
17		Ren, bộ phận mang dòng và mối nối	Chi tiêu		200.000	
18		Chiều dài đường rò	Chi tiêu		200.000	
19		Khe hở không khí	Chi tiêu		200.000	
20		Độ bền của vật liệu cách điện đối với nhiệt bất thường, cháy	Chi tiêu		400.000	
21		Khả năng chống gi	Chi tiêu		200.000	
1	ỐNG NHỰA PVC LƯƠN DÂY ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN	Kích thước	Chi tiêu	BS 6099-2-2 BS EN 61386-21 BS EN 50082-1 BS 4607-5	100.000	
2		Độ bền điện áp tần số công nghiệp	Chi tiêu		100.000	
3		Điện trở cách điện	Chi tiêu		200.000	
4		Độ bền va đập: - Ống nhãn hiệu SP - Ống nhãn hiệu khác	Chi tiêu		1.000.000	
5		Thử nén	Chi tiêu		200.000	
6		Thử nhiệt	Chi tiêu		100.000	
7		Thử cháy	Chi tiêu		200.000	
1	ỐNG NHỰA HDPE LƯƠN DÂY CÁP ĐIỆN	Kích thước	Chi tiêu	TCVN 8699:2011 TCVN 7997:2009	100.000	
2		Độ hấp thụ nước	Chi tiêu		300.000	
3		Độ bền màu	Chi tiêu		600.000	
4		Độ bền chịu ăn mòn hóa học	Chi tiêu		600.000	
5		Độ bền va đập	Chi tiêu		200.000	
6		Cường độ kéo của ống	Chi tiêu		200.000	
7		Thử nén	Chi tiêu		100000/1 chế độ	
8		Độ thay đổi kích thước theo chiều dọc	Chi tiêu		200.000	
9		Độ biến dạng không vỡ	Chi tiêu		200.000	
10		Độ bền điện áp tần số công nghiệp	Chi tiêu		100.000	
1	PIN	Kích thước	Chi tiêu	TCVN 2747:1978	50.000	
2		Khối lượng	Chi tiêu		50.000	
3		Dòng ngắt mạch	Chi tiêu		50.000	
4		Điện áp phóng điện ban đầu	Chi tiêu		50.000	
5		Thời gian phóng điện	Chi tiêu		300.000	
1	ÁC QUÝ	Độ kín	Chi tiêu		100.000	
2		Kích thước	Chi tiêu		50.000	
3		Khả năng khởi động ban đầu	Chi tiêu		150.000	
4		Dung lượng danh định	Chi tiêu		300.000	

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
5	ÁC QUY	Thời gian phóng điện khởi động	Chi tiêu	TCVN 4472:1987	150.000	
6		Tuổi thọ	Chi tiêu		1.000.000	
7		Độ bền	Chi tiêu		150.000	
8		Khả năng nhận nạp điện	Chi tiêu		150.000	
9		Khả năng chịu nạp quá	Chi tiêu		500.000	
10		Tồn thất dung lượng tự phóng	Chi tiêu		150.000	
11		Thử rung động	Chi tiêu		300.000	
1	MÁY BIẾN ÁP	Điện trở một chiều cuộn dây	Chi tiêu	IEC 60076-1 IEC 60076-2 IEC 60076-3	200.000	
2		Kiểm tra tổ đấu dây	Chi tiêu		150.000	
3		Kiểm tra tỷ số biến áp	Chi tiêu		200.000	
4		Điện trở cách điện	Chi tiêu		100.000	
5		Thử chịu điện áp bằng nguồn riêng biệt	Chi tiêu		100.000	
6		Đo tổn hao không tải	Chi tiêu		250.000	
7		Đo tổn hao ngắn mạch	Chi tiêu		500.000	
8		Độ tăng nhiệt	Chi tiêu		700.000	
9		Thử quá điện áp cảm ứng	Chi tiêu		400.000	
10		Thử nghiệm xung sét	Chi tiêu		1.200.000	
11		Thử điện áp đánh thủng của dầu cách điện	Chi tiêu		200.000	
12		Kiểm tra độ ồn	Chi tiêu		200.000	
1	TỦ ĐIỆN, THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT CAO VÀ HẠ THỂ	Điện trở cách điện	Chi tiêu	IEC 60694 IEC 62271-200 IEC 60439-1	100.000/ 1 pha	
2		Độ bền điện áp tần số công nghiệp	Chi tiêu		100.000/ 1 pha	
3		Độ tăng nhiệt	Chi tiêu		100.000/ 1 pha	
4		Thử va đập	Chi tiêu		200.000	
5		Cấp bảo vệ IP 1X đến IP4X	Chi tiêu		300.000	
6		Cấp bảo vệ IP5X và IP6X	Chi tiêu		1.500.000	
7		Kiểm tra cơ học	Chi tiêu		200.000	
8		Kiểm tra tính năng của tủ	Chi tiêu		200.000	
9		Thử nghiệm xung sét	Chi tiêu		400.000/ 1 pha	
10		Thử khả năng chịu dòng ngắn mạch của thanh cái	Chi tiêu		500.000/ 1 pha	
III	THỬ NGHIỆM TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỪ (EMC)					
1	Máy hút bụi		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	6.000.000	
	+ Loại 1 động cơ		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	8.000.000	
	+ Loại 2 động cơ		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	10.000.000	
2	Máy giặt		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	9.000.000	
3	Tủ lạnh, tủ đá					
4	Máy khoan điện		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	6.000.000	
	+ Loại 1 chiều		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	8.000.000	
	+ Loại 2 chiều		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	8.000.000	
5	Dụng cụ đun nước nóng tức thời					

STT	Tên sản phẩm/ hàng hóa	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử Tài liệu áp dụng	Đơn giá vnd (chưa VAT)	Ghi chú khác
6	Máy điều hòa + Loại 2 cục, 1 chiều lạnh + Loại 2 cục, 2 chiều nóng - lạnh		Mẫu Mẫu	TCVN 7492-1:2010 TCVN 7492-1:2010	13.000.000 15.000.000	
7	Bóng đèn có ba lát lắp liền		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	7.000.000	
8	Máy sấy tóc		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	4.000.000	
9	Máy say sinh tố		Mẫu	TCVN 7492-1:2010	6.000.000	

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 5%
- Đơn giá trên được tính cho các công việc được thực hiện tại phòng thử nghiệm, không tính cho các công việc ở bên ngoài